

TT	Chỉ tiêu	Dự toán cấp trên giao	Số quyết toán đã được UBND huyện phê duyệt	Số thẩm định quyết toán	So sánh	
					Số tương đối %	Số tuyệt đối
	1	2	3	4	5=4/2	6=4-2
<b>I</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (Theo phân cấp quản lý)</b>	<b>42,630.0</b>	<b>74,367.2</b>	<b>74,367.2</b>	<b>174.4</b>	<b>31,737.2</b>
1	Thu nội địa ( không kể thu từ dầu thô)	42,630.0	74,367.2	74,367.2	174.4	31,737.2
2	Thu từ dầu thô	-	-	-	-	-
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	-	-
4	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho địa phương	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>470,430.0</b>	<b>613,220.0</b>	<b>613,220.0</b>	<b>130.4</b>	<b>142,790.0</b>
<b>1</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>32,177.0</b>	<b>55,554.1</b>	<b>55,554.1</b>	<b>172.7</b>	<b>23,377.1</b>
-	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	15,327.0	414.6	22,690.0	148.0	7,363.0
-	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	16,850.0	55,139.5	32,864.0	195.0	16,014.0
<b>2</b>	<b>Thu kết dư năm trước</b>		<b>616.5</b>	<b>616.5</b>		<b>616.5</b>
<b>3</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước</b>		<b>26,042.4</b>	<b>26,042.4</b>		<b>26,042.4</b>
<b>4</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>227.5</b>	<b>227.5</b>		<b>227.5</b>
<b>5</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>438,253.0</b>	<b>530,779.4</b>	<b>530,779.4</b>	<b>121.1</b>	<b>92,526.4</b>
+	Bổ sung cân đối	268,719.0	321,049.2	321,049.2	119.5	52,330.2
+	Bổ sung có mục tiêu	169,534.0	209,730.2	209,730.2	123.7	40,196.2
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>470,430.0</b>	<b>611,975.9</b>	<b>611,975.9</b>	<b>130.1</b>	<b>141,545.9</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>151,657.0</b>	<b>82,673.4</b>	<b>82,673.4</b>	<b>54.5</b>	<b>(68,983.6)</b>
	Trong đó:					-
-	Chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề		12,763.6	12,763.6		12,763.6
-	Chi khoa học - công nghệ		-	-		-
<b>2</b>	<b>Chi trả nợ, lãi phí tiền vay</b>					-
<b>3</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>312,755.0</b>	<b>321,784.5</b>	<b>321,784.5</b>	<b>102.9</b>	<b>9,029.5</b>
	Trong đó:					-
-	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	171,568.0	177,770.0	177,770.0	103.6	6,202.0
-	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ	150.0	279.1	279.1	186.1	129.1
-	Chi sự nghiệp môi trường		2,059.9	2,059.9		2,059.9
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung ngân sách cấp dưới</b>	-	<b>71,955.4</b>	<b>71,955.4</b>		<b>71,955.4</b>
+	Bổ sung cân đối	-	52,330.2	52,330.2		52,330.2
+	Bổ sung có mục tiêu	-	19,625.2	19,625.2		19,625.2
<b>5</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau</b>	-	<b>134,562.7</b>	<b>134,562.7</b>		<b>134,562.7</b>
<b>6</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>	-	<b>999.9</b>	<b>999.9</b>		<b>999.9</b>
<b>7</b>	<b>Nguồn dự phòng</b>	<b>6,018.0</b>				

\* Ghi chú: Tổng số quyết toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: 530.779,4 triệu đồng (Trong đó ngân sách tỉnh bổ sung cho cấp huyện: 458.824,0 triệu đồng, ngân sách cấp huyện bổ sung cho cấp xã: 71.955,4 triệu đồng)